TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 3 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Kim Lên
2. Ông Nguyễn Văn Hận

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

Ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 656/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Đ – sinh năm 1996 (có mặt)
Trú tại: ấp XĐ, xã M, huyện PT, tỉnh Cà Mau.
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*:
Bà **Võ Bé Năm** – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lâm Văn T – sinh năm 1991 (vắng mặt)
Trú tại: ấp TT, xã PĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Bà Trịnh Ngọc B – sinh năm 1971 (xin vắng mặt)
Trú tại: ấp TT, xã PĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-12-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2015 chị Đvà Anh Lâm Văn T tự nguyện chung sống với nhau. Năm 2016 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong

Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị Đ bệnh viêm gan C, anh T và gia đình xa lánh, không còn quan tâm vợ con. Chị Đ và anh T ly thân từ tháng 6-2017 đến nay. Gia đình chị Đcó liên hệ hàn gắn nhưng gia đình anh T không có thiện chí. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn nên chị Đyêu cầu ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị Đ và anh T có 01 người con chung là Lâm Nhật Kiên – sinh ngày 12/4/2017, đang sống với chị Đ. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được nuôi con và có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản chung: Chị Đ và anh T có 12 chỉ vàng 24K do mẹ chồng là Bà Trịnh Ngọc B giữ dùm. Chị Đ yêu cầu anh T chia đôi, mỗi người 06 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, bà Bích chỉ thừa nhận giữ dùm 10 chỉ vàng 24K nên chị Đ chỉ yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24K, mỗi người 05 chỉ vàng 24K.

Về nợ chung: Chị Đxác định không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 26-01-2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Trịnh Ngọc B trình bày:

Theo bà Bích xác định: Con ruột của bà Bích là Anh Lâm Văn T biết việc chị Đ khởi kiện xin ly hôn với anh T. Các văn bản tố tụng của Tòa án bà trực tiếp nhận thay và có giao lại cho anh T nhưng anh T không có ý kiến gì. Anh T đồng ý ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Chị Đ và anh T có 01 người con chung đúng như chị Đ trình bày. Theo bà Bích trình bày, ý kiến anh T đồng ý giao con cho chị Đ nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do Tòa án xem xét theo pháp luật.

Về chia tài sản: Trong ngày cưới, bà Bích cho chị Đ và anh T 12 chỉ vàng 24K; cha mẹ ruột của chị Đcho 04 chỉ vàng 24K, tổng cộng 16 chỉ vàng 24K. Hiện nay, bà Bích giữ dùm 10 chỉ vàng 24K, chị Đ giữ 06 chỉ vàng 24K. Bà Bích đồng ý giao lại số vàng này cho anh T để chia theo pháp luật.

Về nợ chung, người khác nợ lại chị Đ và anh T: Không có.

Do điều kiện gia đình khó khăn nên bà Bích yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và không có ý kiến.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho Anh Lâm Văn T đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Lâm Văn T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không có yêu cầu xét xử vắng mặt. Trợ giúp viên pháp lý và Bà Trịnh Ngọc B có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Phan Thị Đ với Anh Lâm Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Đ trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống, chị Đbị bệnh viêm gan C. Từ đó, anh T xa lánh, không còn quan tâm đến vợ con. Chị Đvà anh T ly thân từ tháng 6-2017 đến nay. Gia đình chị Đ có mời gia đình anh T để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T và gia đình không thiện chí. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn nên chị Đ yêu cầu ly hôn với anh T. Theo Bà Trịnh Ngọc B là mẹ ruột của Anh Lâm Văn T xác định: Anh T biết việc chị Đkhởi kiện xin ly hôn với anh T nhưng anh T không có ý kiến gì. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Đvà anh T không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Đ được ly hôn với Anh Lâm Văn T.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị Đ và anh T có 01 người con chung là Lâm Nhật Kiên – sinh ngày 12/4/2017, đang sống với chị Đ. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được nuôi con và có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Bà Bích trình bày theo ý kiến của anh T đồng ý giao con cho chị Đ nuôi dưỡng. Còn việc cấp dưỡng do Tòa án xem xét theo pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao cháu Kiên cho chị Đtrực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Đyêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Kiên theo quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định*"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Đ, buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Nhật Kiên mỗi tháng 650.000 đồng, liên tục hàng tháng cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án.

[4] *Về chia tài sản*: Chị Đ xác định, cha mẹ chồng cho chị Đ và anh T trong ngày cưới là 12 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, bà Bích chỉ thừa nhận giữ dùm vợ chồng chị Đvà anh T 10 chỉ vàng 24K và đồng ý giao lại số vàng này cho anh

T để chia theo pháp luật. Chị Đ thay đổi yêu cầu và chia đôi 10 chỉ vàng 24K, chị Đ và anh T mỗi người 05 chỉ vàng 24K. Xét yêu cầu của chị Đlà có căn cứ chấp nhận, buộc anh T hoàn lại cho chị Đ 05 chỉ vàng 24K.

[5] *Về án phí*: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Án phí chia tài sản chung anh T và chị Đ, mỗi người phải chịu 905.000 đồng. Riêng anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. (Ngày 09-3-2018 giá vàng 24K là 3.620.000 đồng/chỉ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 33, 38, 39, 40 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 143, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Đ và Anh Lâm Văn T

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Lâm Nhật Kiên – sinh ngày 12/4/2017 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2 Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng, liên tục hàng tháng cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về chia tài sản: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Đ về việc chia đôi 10 chỉ vàng 24K do anh T đang quản lý. Chị Đ và anh T, mỗi người được chia 05 chỉ vàng 24K. Anh Lâm Văn T phải có nghĩa vụ giao lại cho chị Đ 05 chỉ vàng 24K.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị Đxác định không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 905.000 đồng án phí chia tài sản chung. Ngày 06-12-2017, chị Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007628 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, chị Đ phải nộp tiếp 905.000 đồng.

Anh T phải chịu 905.000 đồng án phí chia tài sản chung và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Thái Hoàng Đắc